

Số: /KH-UBND

Đức Cơ, ngày tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

Giai đoạn 2 thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ trên địa bàn huyện Đức Cơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định Phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025”;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên địa bàn huyện Đức Cơ;

Căn cứ Kế hoạch số 1784/KH-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về Kế hoạch giai đoạn 2 thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ;

Căn cứ Công văn số 2357/SGDĐT-GDMNTH ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 1784/KH-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở kết quả giai đoạn 1 Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện xây dựng Kế hoạch giai đoạn 2 thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 1 (2016-2021)

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 về việc thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” giai đoạn 1. Trên cơ sở đó đã giao Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non (GDMN), cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) có học sinh tiểu học xây dựng kế hoạch đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị, của địa phương và tổ chức thực hiện kế hoạch gắn liền với nhiệm vụ năm học của từng bậc học, cấp học; đồng thời tuyên truyền, phổ biến sâu rộng mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của Kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng đối với việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn huyện.

Phòng GDĐT đã chỉ đạo các cơ sở GDMN, cơ sở tập trung triển khai các nội dung về dạy học tăng cường tiếng Việt nhằm giúp trẻ mầm non nâng cao kỹ năng nghe, nói tiếng Việt, giúp học sinh tiểu học nâng cao các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt. Chỉ đạo các cơ sở GDTH thực hiện chương trình “Tuần 0” để dạy tập nói tiếng Việt cho học sinh DTTS trước khi vào lớp 1, ôn tập, củng cố kỹ năng tiếng Việt cho học sinh các lớp; tăng thời lượng dạy môn tiếng Việt cho học sinh DTTS một cách thường xuyên bằng nhiều phương án (tăng thời gian của các tiết dạy môn Tiếng Việt, dạy phụ đạo trái buổi, dạy tích hợp tiếng Việt trong các môn học khác); tổ chức giao lưu tiếng Việt; xây dựng kế hoạch điều chỉnh nội dung chương trình cấp tiểu học, giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh; xây dựng và duy trì môi trường giao tiếp tiếng Việt; quan tâm xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt phong phú, đa dạng trong tất cả các hoạt động, quá trình giáo dục ở nhà trường; tiến hành kiểm tra, nắm bắt các hoạt động về tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS ở các trường học để có cơ sở chỉ đạo các hoạt động một cách kịp thời, đúng hướng.

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch phát triển trường, lớp, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng GDĐT tiến hành rà soát, đăng ký nhu cầu biên chế, vị trí việc làm của từng trường học; tham mưu các cấp cho tuyển biên chế bổ sung, hợp đồng giáo viên giảng dạy đảm bảo ổn định nền nếp dạy học trong các nhà trường; chỉ đạo các trường cân nhắc trong việc bố trí, phân công giáo viên có năng lực, nhiệt tình, kinh nghiệm phụ trách dạy chính ở các lớp có đông học sinh DTTS và ở các lớp 1, lớp 2.

2. Về phát triển quy mô trường, lớp, học sinh

Mạng lưới cơ sở GDMN và GDTH được phát triển và phân bố đều ở các địa bàn xã, thị trấn; 10/10 xã, thị trấn đều có trường phổ thông có cấp tiểu học (trường tiểu học, trường tiểu học và trung học cơ sở) và nhóm/lớp mầm non.

Các cơ sở giáo dục đáp ứng cơ bản yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ giáo dục nói chung và nhiệm vụ giáo dục ở vùng DTTS nói riêng.

Tính đến năm học 2021-2022 toàn huyện có 33 trường có trẻ mầm non và học sinh tiểu học với 609 nhóm, lớp; 15.745 trẻ mầm non và học sinh tiểu học, chia ra:

Phân tích các cấp học	Trường		Nhóm/ lớp		Nhóm/ lớp ghép		Học sinh	
	Tổng số	Có HS DTTS	Tổng số	Có HS DTTS	Tổng số	Có HS DTTS	Tổng số	HS DTTS
Trường mầm non, mẫu giáo	15	15	302	210	46	46	6.394	2.685
Trường tiểu học	16	16	278	255	0	0	8.504	4.024
Trường tiểu học và THCS	2	2	29	22	0	0	847	552
Tổng cộng	33	33	609	487	46	46	15.745	7.261

- Tổng số điểm trường:

Cấp học	Điểm trường	Điểm trường lẻ	Điểm trường có trẻ DTTS
Mầm non	90	75	69
Tiểu học	48	30	48
Tổng cộng	138	105	117

So với năm học 2016-2017, giảm 02 trường tiểu học, trong đó có 02 trường tiểu học nhập vào trường THCS; giảm 05 điểm trường lẻ bậc học mầm non và 09 điểm trường lẻ cấp tiểu học (*giảm trường, điểm trường do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*).

Tỉ lệ huy động trẻ mầm non và học sinh tiểu học ra lớp:

Cấp học	Huy động học sinh ra lớp		Huy động học sinh DTTS ra lớp	
	TS	Tỉ lệ	TS	Tỉ lệ
Mầm non	6.394	61,4%	2.685	53,5%
+ Nhà trẻ	1.230	25,7%	321	16,18%
+ Mẫu giáo	5.164	91,5%	2.364	78,02%
Tiểu học	9.351	99,5%	4.576	98,5%

So với năm học 2016- 2017, tăng tỉ lệ huy động trẻ mầm non và học sinh tiểu học ra lớp, trong đó tăng 6,4% tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo người DTTS và tăng 1,0% tỉ lệ huy động học sinh tiểu học người DTTS ra lớp.

3. Chất lượng giáo dục

Nghiêm túc thực hiện các Chương trình do Bộ GDĐT ban hành: Chương trình GDMN sửa đổi sau năm 2020 và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; thực hiện đổi mới trong quản lý, quản trị nhà trường, xây dựng kế hoạch lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ; bảo đảm các quy chế hoạt động trong các cơ sở GDMN, cơ sở GDPT; đổi mới, điều chỉnh hình thức tổ chức, phương pháp và nội dung giáo dục ở các cấp học phù hợp với điều kiện tình hình thực tiễn và bảo đảm chất lượng giáo dục theo mục tiêu Chương trình giáo dục từng độ tuổi ở hai cấp học.

100% trẻ đến trường mầm non, học sinh tiểu học đều được học theo chương trình khung của Bộ GDĐT, được đánh giá kết quả sau mỗi chủ đề, giai đoạn đối với bậc mầm non và đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ đối với cấp tiểu học.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục không ngừng được cải thiện và phát triển, bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình GDMN sửa đổi sau năm 2020 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Các Hội thi kể chuyện và giao lưu tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học người DTTS được tổ chức thiết thực, hiệu quả. Phụ huynh là người DTTS có sự thay đổi tích cực về nhận thức trong việc đưa con đến trường, phối hợp với nhà trường chăm sóc, giáo dục con em.

100% trẻ em người DTTS trong các cơ sở GDMN được tập trung tăng cường tiếng Việt phù hợp theo độ tuổi, 100% trẻ em 05 tuổi người DTTS hoàn thành Chương trình GDMN, số trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo người DTTS chưa đến trường được các cơ sở GDMN tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh tăng cường giao tiếp bằng tiếng Việt.

100% học sinh tiểu học người DTTS được tăng cường tiếng Việt, 86,57% học sinh lớp 1 và 100% học sinh lớp 5 người đồng bào DTTS hoàn thành Chương trình, đạt chuẩn kiến thức môn Tiếng Việt cấp tiểu học và sẵn sàng học lên THCS.

Cấp học	Tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		Hoàn thành chương trình lớp học			
	Nhẹ cân	Thấp còi	Số trẻ	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	HS DTTS	Tỉ lệ
Mầm non	4,0%	4,4%	2.513	100	2.513	100	1.414	100%
Tiểu học					8.706	95,66%	4.189	92,57%

4. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV):

Cấp học	Tổng số CBQL-GV-NV	Tỷ lệ biên chế	Trong đó		
			CBQL	GV	NV

Mầm non	607		91,27%	33	506	68		
Tiểu học	466		96,57%	41	380	45		
Cấp học	CBQL			GV			NV	
	Tổng số	Biên chế	CBQL là người DTTS	Tổng số	Biên chế	GV là người DTTS	Tổng số	NV là người DTTS
Mầm non	33	31	0	506	455	39	68	5
Tiểu học	41	41	3	380	364	47	45	0

(Nguồn báo cáo số liệu thống kê đầu năm học 2021-2022)

Tỷ lệ GV tăng hàng năm về số lượng và phát triển về chất lượng, so với năm học 2016-2017, tăng 46 GV mầm non và tiểu học. Hàng năm, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV được quan tâm, qua đó đã xây dựng được đội ngũ cốt cán, nguồn CBQL kế cận, đồng thời động viên, tạo điều kiện cho CBQL, GV theo học các lớp đào tạo đạt chuẩn và nâng chuẩn, học tiếng dân tộc thiểu số (Jrai) để phục vụ công tác ở vùng DTTS.

5. Phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi

Các cơ sở GDMN, GDTH và GDTH&THCS vùng đồng bào DTTS được quan tâm đặc biệt, các chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh, huyện đã đầu tư khá lớn, trường, lớp nhiều nơi khang trang, kiên cố, bố trí cơ bản đủ phòng học cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học, nhiều trường được mở rộng diện tích, xây mới nhà hai tầng, các phòng chức năng được bổ sung, thay thế bảo đảm đủ điều kiện để xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Tỷ lệ phòng học/lớp để dạy học hai buổi/ngày ở cấp mầm non đạt 1,04 phòng/nhóm, lớp; tiểu học đạt 1,09 phòng/lớp (tuy nhiên có hiện tượng thừa, thiếu cục bộ giữa các điểm trường); tăng tỷ lệ phòng học kiên cố; cảnh quan môi trường được cải tạo xây dựng theo các tiêu chí xanh, sạch, đẹp, an toàn. Ngoài việc tăng cường tham mưu các cấp đầu tư cơ sở vật chất (CSVC), mua sắm trang thiết bị, các trường học đã phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi ngoài trời và xây dựng thư viện ngoài trời, thư viện thân thiện dựa vào cộng đồng, cải tạo, xây dựng môi trường tiếng Việt phong phú, đa dạng tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, khám phá nhằm phát triển các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt.

Tổng số phòng học và đồ dùng đồ chơi (ĐDĐC), thiết bị dạy học tối thiểu (TBDHTT) hiện có:

Cấp học	Phòng học	TBDHTT
----------------	------------------	---------------

	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Phòng học tạm	Số nhóm/lớp mầm non có đủ ĐDDH theo quy định	Số lớp tiểu học có đủ ĐDDH theo quy định
Mầm non	315	18	297	0	120	0
Tiểu học	337	129	208	0	0	175
Tổng cộng	652	147	505	0	120	175

So với năm học 2016-2017, tăng 70 phòng học, trong đó 43 phòng học kiên cố.

6. Các chỉ tiêu đạt được trong Giai đoạn 1 thực hiện Kế hoạch Đề án

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đề ra	Chỉ tiêu đạt được	So sánh đầu kỳ
1	Tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ người DTTS được tăng cường tiếng Việt	35%	16,18%	Tăng 0,84%
2	Tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo người DTTS được tăng cường tiếng Việt	90%	78,02%	Tăng 6,38%
3	Tỉ lệ trẻ em trong các cơ sở GDMN được tăng cường tiếng Việt	100%	100%	Duy trì
4	Hàng năm tỉ lệ học sinh tiểu học người DTTS được tăng cường tiếng Việt	100%	100%	Duy trì
5	Đến năm 2020, tỉ lệ học sinh lớp 1 người DTTS hoàn thành chương trình, đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn tiếng Việt (Nghe, nói tương đối thông thạo tiếng Việt)	98%	85,41%	Tăng 0,77%
6	Đến năm 2020 tỉ lệ học sinh lớp 5 người DTTS hoàn thành chương trình, đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn tiếng Việt.	98%	100%	Tăng 0,47%

Tổng kết Giai đoạn 1 thực hiện Kế hoạch (giai đoạn 2016-2020), có 02 tập thể, 04 cá nhân điển hình được khen thưởng cấp tỉnh; có 06 tập thể, 21 cá nhân được khen thưởng cấp huyện.

7. Một số khó khăn, hạn chế

Đức Cơ là huyện biên giới, miền núi, khí hậu khắc nghiệt, kinh tế còn nghèo, trình độ dân trí thấp, đời sống nhân dân thu nhập thấp; đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 45% dân số toàn huyện, nhiều tập tục lạc hậu còn tồn tại.

Một số địa bàn xã vùng DTTS rộng nên các nhóm/lớp mầm non và tiểu học phải mở tại điểm trường lẻ cách xa trung tâm, do đó môi trường giao tiếp bằng tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học người DTTS còn khó khăn, hạn chế.

Nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất và đội ngũ GV chưa đủ để thu hút trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp, hiện tại tỉ lệ trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo người DTTS ra lớp thấp (tỉ lệ trẻ nhà trẻ chỉ đạt được 16,18%, tỉ lệ trẻ mẫu giáo 78,02%).

Thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng, đồ chơi được đầu tư xây dựng, bổ sung hàng năm nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu, nhiều phòng học xây dựng lâu năm xuống cấp, diện tích hẹp, nhiều trường còn thiếu các hạng mục như: Phòng học, các phòng chức năng, các thiết bị dạy học,... Phòng học ở cấp tiểu học thừa, thiếu cục bộ giữa các điểm trường do thực hiện chủ trương dồn lớp, dồn điểm trường, đặc biệt có một số trường thiếu phòng học ở điểm trường chính.

Đội ngũ CBQL, GV, NV chưa đảm bảo theo định mức (hiện tại GV/nhóm, lớp mầm non đạt 1,5, đối với tiểu học đạt 1,19), tỷ lệ GV có trình độ đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 ở hai cấp học còn thấp (đối với GV mầm non là 46,8%; đối với GV tiểu học là 78%).

Nhận thức của một bộ phận nhân dân về giáo dục còn hạn chế nên chưa quan tâm đến việc học tập của con em; một tỉ lệ lớn phụ huynh là người DTTS chưa biết cách hướng dẫn, giúp đỡ con em học tập, giao tiếp tiếng Việt khi ở nhà.

Một vài cấp uỷ, chính quyền địa phương xã vùng DTTS chưa làm tốt công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học.

II. Kế hoạch Giai đoạn 2 thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ

1. Mục đích, yêu cầu

a) Mục đích:

Tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả Giai đoạn 2 thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ trên địa bàn huyện Đức Cơ; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường khả năng sẵn sàng cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học người DTTS đến trường; nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông vùng DTTS; góp phần bảo tồn tiếng nói, chữ viết và văn hóa của đồng bào các DTTS của huyện, thực hiện hiệu quả mục tiêu Chương trình GDMN sửa đổi sau năm 2020 và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

b) Yêu cầu:

Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch thực hiện đảm bảo hiệu quả, thiết thực, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 1008/QĐ -TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” và Quyết định số 5006/QĐ-BGDĐT ngày của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Kế hoạch Giai đoạn 2 thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đề ra	Chỉ tiêu phấn đấu	So với Giai đoạn 1 cần đạt thêm
1	Tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ người DTTS được tăng cường tiếng Việt	50%	35%	18,82%
2	Tỉ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo người DTTS được tăng cường tiếng Việt	95%	90%	11,98%
3	Tỉ lệ trẻ em trong các cơ sở GDMN được tăng cường tiếng Việt	100%	100%	Duy trì
4	Hàng năm tỉ lệ học sinh tiểu học người DTTS được tăng cường tiếng Việt	100%	100%	Duy trì
5	Đến năm 2025, tỉ lệ học sinh lớp 1 người DTTS hoàn thành chương trình, đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn tiếng Việt (Nghe, nói tương đối thông thạo tiếng Việt)	98%	93%	7,59%
6	Đến năm 2025, tỉ lệ học sinh lớp 5 người DTTS hoàn thành chương trình, đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn tiếng Việt	98,9%	100%	Duy trì

3. Đối tượng và phạm vi áp dụng

a) Các cơ sở GDMN, cơ sở giáo dục phổ thông có học sinh tiểu học người DTTS trên địa bàn huyện.

b) Trẻ em trong độ tuổi mầm non và học sinh tiểu học người DTTS thuộc 10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

4. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về giáo dục, đào tạo đối với các địa phương có tỷ lệ học sinh DTTS cao. Trong đó chú trọng công tác vận động trẻ em mầm non, học sinh tiểu học ra lớp, duy trì sĩ số và tỷ lệ chuyên cần; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Phát huy vai trò của các ban, ngành, tổ chức, đoàn thể, các bậc cha mẹ và nhân dân đối với công tác bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em nói chung, trẻ em mầm non, học sinh tiểu học người DTTS nói riêng trên địa bàn huyện; triển khai xây dựng mô hình điểm, kịp thời phát hiện và nhân rộng cách làm hay, điển hình tiên tiến trong công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội trong việc triển khai thực hiện Giai đoạn 2 của Đề án.

b) Công tác truyền thông

Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về mục đích, nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện Giai đoạn 2 của Đề án nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các bậc cha mẹ, CBQL, GV, NV và cộng đồng đối với việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Đổi mới, hiệu quả các hình thức tuyên truyền trực tiếp thông qua các cuộc họp, sinh hoạt cộng đồng thôn, làng; các buổi họp phụ huynh; sinh hoạt lớp và các hình thức phổ biến khác của nhà trường. Nội dung tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với đối tượng, đặc biệt là phù hợp với cộng đồng và học sinh người DTTS.

Xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS trong công tác vận động, duy trì sĩ số; gắn trách nhiệm của chính quyền như một tiêu chí quan trọng trong công tác xây dựng Nông thôn mới, xét thi đua, khen thưởng hằng năm của thôn, làng, cơ quan, đơn vị.

Sử dụng nhiều kênh truyền thông phù hợp, thiết thực để tuyên truyền, hỗ trợ các bậc cha mẹ trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em tại nhà trên cơ sở bảo tồn tiếng nói, chữ viết, văn hoá của đồng bào các DTTS; bảo đảm tỷ lệ chuyên cần của trẻ trên lớp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ở cấp mầm non, chất lượng dạy học ở cấp tiểu học.

Nêu gương điển hình những tập thể, cá nhân có thành tích cao trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch Giai đoạn 2 thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

c) Đổi mới công tác quản lý và vai trò tham mưu của ngành giáo dục, nâng cao hiệu quả công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng DTTS gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu ngành giáo dục của huyện và các cơ sở giáo dục trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch Giai đoạn 2.

Tiếp tục quy hoạch mạng lưới điểm trường theo hướng giảm điểm trường lẻ, lớp ghép để bảo đảm tinh gọn bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung nguồn lực bồi dưỡng tiếng Việt cho học sinh.

Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước đối với GV, NV và trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS.

Tích cực thanh tra, kiểm tra; phát huy vai trò giám sát của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường, của đại diện cha mẹ học sinh và chính quyền, các tổ chức đoàn thể tại địa phương.

d) Đầu tư cơ sở vật chất; trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu; xây dựng môi trường tiếng Việt ở các cơ sở GDMN, cơ sở GDPT có học sinh tiểu học

Huy động các nguồn vốn hợp pháp, vận động thu hút sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở GDMN, GDPT có học sinh tiểu học vùng DTTS theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Tiếp tục bổ sung, thay thế, cung cấp thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, phần mềm dạy học tiếng Việt phù hợp cho tất cả các nhóm, lớp, điểm trường mầm non, tiểu học ở các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn có trẻ em người DTTS để phục vụ việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; sử dụng linh hoạt các tiện ích, phần mềm, tư liệu, hình ảnh để nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt, xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt trong và ngoài nhà trường.

Đối với GDMN: Đảm bảo việc xây dựng môi trường giáo dục giàu ngôn ngữ tiếng Việt trong các cơ sở GDMN; tăng cường sử dụng tiếng Việt để giao tiếp với trẻ và phụ huynh người đồng bào DTTS; xây dựng kế hoạch giáo dục gắn với văn hóa địa phương để tạo cho trẻ cảm giác gần gũi, thân thuộc như ở gia đình trẻ mỗi khi đến trường; thu hút sự tham gia của cha mẹ, cộng đồng vào các hoạt động của trường, lớp.

Đối với GDTH: Bảo đảm duy trì và phát triển sáng tạo môi trường tiếng Việt trong các cơ sở GDPT có học sinh tiểu học vùng DTTS; xây dựng các câu lạc bộ trong trường học; trưng bày sản phẩm học tập của học sinh theo chủ đề trong không gian lớp học; tạo góc địa phương trong lớp học, tạo môi trường giao tiếp tiếng Việt; tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục có học sinh tiểu học người DTTS xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt trong và ngoài nhà trường, xây dựng tài liệu địa phương có chất lượng để thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT mới.

đ) Nâng cao năng lực đội ngũ GV, CBQL của các cơ sở GDMN và GDTH có trẻ em người DTTS.

Rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục vùng DTTS, từ đó có kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ đạt chuẩn và đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về công tác quản lý, phương pháp, kỹ năng tăng cường tiếng Việt, tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với trẻ em, học sinh người DTTS.

Bồi dưỡng tiếng dân tộc cho GV dạy trẻ em mầm non, học sinh tiểu học người DTTS, khuyến khích GV trong công tác tự bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nơi GV công tác; ưu tiên đào tạo và tuyển dụng sinh viên người DTTS về công tác tại các trường mầm non, tiểu học vùng DTTS nhằm giải

quyết việc làm, đồng thời đảm bảo sự ổn định, gắn bó lâu dài đối với các cơ sở giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS.

Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng thực hành quan sát trẻ theo quá trình hoạt động trong GDMN và dạy học ở cấp tiểu học nhằm phát triển năng lực thực tiễn cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng DTTS.

e) Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức các hoạt động đặc thù phù hợp với đối tượng trẻ em mầm non, học sinh tiểu học người DTTS nhằm tiếp thu tiếng Việt đạt hiệu quả.

Đối với GDMN: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục bảo đảm phù hợp bối cảnh địa phương và đáp ứng mục tiêu Chương trình GDMN, lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng, điều kiện thực tế của từng địa phương, từng điểm trường; tổ chức thực hiện các hoạt động tăng cường tiếng Việt, dạy học tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ hiệu quả ở tất cả các độ tuổi trong cơ sở GDMN; lồng ghép tích hợp phát triển ngôn ngữ tiếng Việt trong tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập, các hoạt động giáo dục khác; hướng dẫn xây dựng môi trường tiếng Việt trong các cơ sở GDMN vùng đồng bào DTTS theo hướng khai thác, vận dụng các yếu tố văn hóa và ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ; tăng cường các điều kiện để củng cố, duy trì và phát triển tỉ lệ huy động trẻ mầm non người đồng bào DTTS ra lớp học hai buổi/ngày nhằm tăng thời lượng giao tiếp tiếng Việt cho trẻ; lồng ghép các hoạt động truyền thông, tư vấn, hướng dẫn cha mẹ trẻ chuẩn bị tăng cường tiếng Việt cho trẻ trong độ tuổi mầm non chưa ra lớp.

Đối với GDTH: Các trường tiểu học, trường tiểu học và THCS có học sinh tiểu học chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để tăng cường tiếng Việt cho học sinh người DTTS. Thực hiện các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng DTTS linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng địa phương như: chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em trước khi vào lớp 1; xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt trong và ngoài nhà trường; tích hợp rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong các môn học/hoạt động giáo dục khác; dạy học theo hướng tăng thời lượng môn Tiếng Việt; xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức các hoạt động thư viện; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, cha mẹ học sinh và cộng đồng về việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng DTTS; tổ chức thực hiện linh hoạt các hoạt động trải nghiệm, trò chơi học tập, giao lưu tiếng Việt,... nhằm giúp học sinh có cơ hội giao lưu và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt thành thạo; sử dụng thời lượng 2 buổi/ngày để tăng thời lượng tiếng Việt cho học sinh ở buổi thứ hai nhằm ôn tập, củng cố kiến thức các môn học hoặc tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt phù hợp; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học; phát động phong trào làm đồ dùng dạy học hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho học

sinh, sử dụng linh hoạt các thiết bị, phần mềm, phù hợp với điều kiện nhà trường; linh hoạt sử dụng phương án dạy học, các học liệu, tư liệu và hình ảnh để nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt.

g) Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ kinh phí, tài liệu, học liệu, đồ dùng, đồ chơi hỗ trợ việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học người đồng bào DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của xã hội, tạo bước chuyển biến rõ rệt để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới.

5. Kinh phí

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn chi thường xuyên cho giáo dục và các nguồn kinh phí huy động, tài trợ hợp pháp từ cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

b) Việc bố trí kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

6. Tổ chức thực hiện

a) Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, đoàn thể, địa phương triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch hiệu quả, thiết thực, đúng lộ trình. Tham mưu UBND huyện đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn vốn hợp pháp khác để từng bước hoàn thiện CSVC trường, lớp, thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng đồ chơi, học liệu trong các cơ sở GDMN, cơ sở GDPT có học sinh tiểu học, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm trường lẻ vùng DTTS để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục có trẻ em mầm non, học sinh tiểu học xây dựng Kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện tốt các nội dung của Kế hoạch.

Phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc tuyển dụng GV, đào tạo GV mầm non, tiểu học nhằm bảo đảm điều kiện về tỉ lệ GV để thực hiện Kế hoạch.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV dạy trẻ em mầm non và học sinh tiểu học người DTTS để triển khai Kế hoạch tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai và thực hiện Kế hoạch, hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND huyện và Sở GDĐT.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp Phòng GDĐT và các cơ quan liên quan tham mưu UBND huyện bố trí các nguồn vốn để thực hiện việc đầu tư CSVC, thư viện,

thiết bị, học liệu; phối hợp Phòng GDĐT, các cơ quan liên quan lồng ghép các chỉ tiêu của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

Tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện xem xét, bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

Phối hợp với Phòng GDĐT kiểm tra tài chính theo các quy định hiện hành của Luật ngân sách Nhà nước.

d) Phòng Nội vụ

Phối hợp với các phòng, ban, ngành, địa phương có liên quan trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; đảm bảo chế độ chính sách cho nhà giáo theo quy định hiện hành.

đ) Phòng Dân tộc

Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân vùng DTTS về phát triển giáo dục, sự cần thiết tăng cường tiếng Việt đối với trẻ em DTTS. Tham mưu thực hiện các chế độ chính sách dân tộc ở địa phương đối với CBQL, GV và học sinh trong thực hiện Kế hoạch. Phối hợp Phòng GDĐT, các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra thực hiện Kế hoạch.

e) Các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan của huyện

Theo chức năng nhiệm vụ của mình phối hợp với Phòng GDĐT theo dõi, giám sát, đôn đốc thực hiện Kế hoạch.

g) Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Chỉ đạo các bộ phận chức năng xây dựng Kế hoạch và chỉ đạo triển khai, thực hiện Kế hoạch tại địa phương phù hợp, đáp ứng mục tiêu nhiệm vụ Kế hoạch của huyện; xây dựng và triển khai nhân rộng mô hình thí điểm tăng cường tiếng Việt trong các nhà trường; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, báo cáo về UBND huyện (qua Phòng GDĐT).

Chỉ đạo, phối hợp tổ chức các hoạt động nhằm xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Việt cho trẻ em DTTS tại gia đình và cộng đồng. Quan tâm hỗ trợ nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học người DTTS trên địa bàn.

Bố trí kinh phí theo phân cấp, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực hợp pháp nhằm triển khai hiệu quả Kế hoạch tại địa phương; từng bước đầu tư xây dựng, hoàn thiện CSVC, thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng đồ chơi, học liệu trong các cơ sở GDMN, GDPT có học sinh tiểu học, đặc biệt đối với các cơ sở giáo dục ở vùng khó khăn, các điểm trường lẻ vùng DTTS.

h) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội liên quan

Tham gia tích cực trong công tác tuyên truyền, vận động, theo dõi, giám sát các cơ sở GDMN, GDPT có học sinh tiểu học thực hiện Kế hoạch của huyện.

Huy động cán bộ, chiến sĩ, hội viên, đoàn viên tham gia dạy tiếng Việt và các hoạt động hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho cha, mẹ và trẻ em người DTTS ở khu vực biên giới gắn với hỗ trợ thực hiện xóa mù chữ, chống tái mù chữ và xây dựng xã hội học tập.

Trên đây là Kế hoạch Giai đoạn 2 thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ trên địa bàn huyện Đức Cơ. UBND huyện yêu cầu các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn phổ biến, triển khai thực hiện; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Phòng GDĐT để tổng hợp, báo cáo UBND huyện, Sở GDĐT theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng, Ban huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Siu Luynh